

Số: /2022/QĐ-UBND Bắc Giang, ngày tháng 3 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định chi tiết nội dung chi và mức chi
Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Bắc Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật
ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013; Luật Sửa
đổi, bổ sung một số Điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đề điều ngày
17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2021 của Chính
phủ Về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ
trình số 29/TTr-SNN ngày 02 tháng 3 năm 2022.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chi tiết nội dung chi và mức chi Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Bắc Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2022.

Điều 3. Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Vụ Pháp chế các Bộ: Tài chính, Nông nghiệp và PTNT;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Ban chỉ đạo quốc gia về phòng, chống thiên tai;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Kho bạc Nhà nước tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Văn bản UBND tỉnh;
- + LĐVP, TH, KTTH, NC, TTTT, KTN;
- + Lưu: VT, KTN Việt Anh.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Ô Pích

QUY ĐỊNH

Chi tiết nội dung chi và mức chi Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Bắc Giang

(Kèm theo Quyết định số /2022/QĐ-UBND ngày tháng 3 năm 2022
của UBND tỉnh Bắc Giang)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định này quy định chi tiết về nội dung chi, mức chi, nguyên tắc chi hỗ trợ và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc quản lý, sử dụng Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Bắc Giang.

2. Đối tượng áp dụng: Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài liên quan đến hoạt động phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Điều 2. Nguyên tắc chi hỗ trợ

Thực hiện chi hỗ trợ cho các đối tượng chưa được nhận hỗ trợ theo các quy định hiện hành khác của Nhà nước có cùng nội dung hỗ trợ. Trong trường hợp cùng một nội dung có nhiều cơ chế, chính sách hỗ trợ thì đối tượng được lựa chọn chính sách hỗ trợ có lợi nhất.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Quy định chi tiết nội dung chi và mức chi hỗ trợ các hoạt động phòng, chống thiên tai

1. Nội dung chi và mức chi hỗ trợ các hoạt động phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Bắc Giang theo Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định nội dung chi và mức chi thực hiện nhiệm vụ phòng, chống thiên tai ngoài các nội dung chi tại khoản 1 Điều này cho các đối tượng theo đề nghị của Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cùng cấp và khả năng của nguồn Quỹ.

Điều 4. Phân bổ Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh cho Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã

1. Ủy ban nhân dân cấp xã được giữ lại tối đa không quá 28% số thu trên

địa bàn để thực hiện chi hỗ trợ cho các nội dung:

- a) Hỗ trợ chi thù lao cho lực lượng trực tiếp thu quỹ không quá 5%.
- b) Chi phí hành chính phát sinh liên quan đến công tác thu quỹ không quá 3%.
- c) Chi thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai theo Điều 3 Quy định này tại cấp xã không quá 20%.

Nội dung chi và mức chi cụ thể tại điểm a, b khoản này do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định theo quy định tại Quy định này và các chế độ, chính sách hiện hành có liên quan, nhưng phải được công khai, minh bạch.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện được giữ lại tối đa không quá 23% số thu trên địa bàn (bao gồm cả số thu của cấp xã) để thực hiện chi hỗ trợ cho các nội dung:

- a) Chi phí hành chính phát sinh liên quan đến công tác thu quỹ không quá 3%.
- b) Chi thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai theo Điều 3 Quy định này tại cấp huyện không quá 20%.

Nội dung chi và mức chi cụ thể tại điểm a khoản này do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định theo quy định tại Quy định này và các chế độ, chính sách hiện hành có liên quan, nhưng phải được công khai, minh bạch.

3. Phân bổ nguồn kinh phí cấp huyện, cấp xã giữ lại khi đã sử dụng và thu hồi khoản phân bổ nếu còn dư

a) Chậm nhất ngày 20/11 hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp xã nộp báo cáo quyết toán kinh phí giữ lại về Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp báo cáo quyết toán kinh phí giữ lại của Ủy ban nhân dân cấp xã và của cấp mình nộp về Cơ quan quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) xong trước ngày 15/01 năm sau để tổng hợp gửi Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ.

b) Căn cứ vào báo cáo quyết toán của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Cơ quan quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh tổng hợp gửi Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi khoản phân bổ nếu còn dư hoặc quyết định phân bổ khi nguồn kinh phí cấp huyện, cấp xã giữ lại đã sử dụng hết xong trước ngày 31/01 năm sau.

4. Đối với các xã khu vực III không có phát sinh thu quỹ, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phân bổ tối thiểu bằng số tiền chi thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai (20%) của xã có số phát sinh được giữ lại thấp nhất trên địa bàn cùng huyện để chi thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai theo Điều 3 Quy định này trên địa bàn.

Điều 5. Chi phí quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh

Chi phí quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh không vượt quá 3% tổng số thu của Quỹ cấp tỉnh, dùng để chi cho các nội dung sau:

1. Chi cho Ngành thuế tối đa không quá 2% trên tổng số thu của các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài phát sinh trong năm do Cục Thuế tỉnh và Chi cục Thuế khu vực đôn đốc thu quỹ để chi cho công tác liên quan đến việc triển khai xây dựng kế hoạch và đôn đốc thu nộp Quỹ.

2. Chi phụ cấp kiêm nhiệm cho thành viên Hội đồng quản lý Quỹ; Ban Kiểm soát quỹ và Cơ quan quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh

Mức chi phụ cấp kiêm nhiệm thực hiện theo quy định hiện hành.

3. Chi phí hành chính phát sinh của Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh

Nội dung chi và mức chi quản lý hành chính thực hiện theo quy định hiện hành.

4. Quyết định phê duyệt dự toán nguồn kinh phí chi phí quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh

Hàng năm, Cơ quan quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh chủ trì, phối hợp với Cục Thuế tỉnh lập dự toán chi tiết chi cho các nội dung quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều này gửi Sở Tài chính thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt xong trước ngày 30/4.

5. Tạm ứng và thanh quyết toán nguồn kinh phí chi phí quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh

a) Căn cứ dự toán nguồn kinh phí chi phí quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, Cơ quan quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh tạm ứng kinh phí cho các đối tượng thụ hưởng theo tiến độ và kết quả thu Quỹ.

b) Chậm nhất đến ngày 10/01 năm sau, Cục Thuế tỉnh nộp báo cáo quyết toán kinh phí chi cho công tác liên quan đến việc triển khai, đôn đốc thu nộp Quỹ về Cơ quan quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh để tổng hợp báo cáo quyết toán kinh phí chi phí quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ cấp tỉnh gửi Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phân bổ xong trước ngày 31/01 năm sau.

Chương III **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 6. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn trình tự, hồ sơ, thủ tục thanh quyết toán các nội dung chi Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh theo đúng quy định.

b) Báo cáo kết quả thu, chi quỹ với cơ quan quản lý Quỹ trung ương trước ngày 25 hàng tháng.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện thanh tra, kiểm tra thường xuyên và đột xuất việc chấp hành công tác xây dựng kế hoạch thu, chi và

quản lý sử dụng Quỹ tại các địa phương, đơn vị theo đúng quy định.

2. Sở Tài chính: chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn trình tự, hồ sơ, thủ tục thanh quyết toán các nội dung chi Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh theo đúng quy định.

3. Các cơ quan, đơn vị: Cơ quan quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh, Cục Thuế tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh được phân bổ theo đúng Quy định này và các quy định hiện hành có liên quan.

Điều 7. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

PHỤ LỤC
NỘI DUNG CHI VÀ MỨC CHI HỖ TRỢ CÁC HOẠT ĐỘNG PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI TỈNH BẮC GIANG

(Kèm theo Quyết định số: /2022/QĐ-UBND ngày tháng năm 2022 của UBND tỉnh Bắc Giang)

ĐVT: đồng

Số TT	Nội dung	ĐVT	Mức chi	Ghi chú
1	Hỗ trợ các hoạt động ứng phó thiên tai			
1.1	Sơ tán dân khỏi nơi nguy hiểm	đồng/người/lần	Theo dự toán được duyệt	<i>Căn cứ phát sinh thực tế, Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã phê duyệt mức hỗ trợ cụ thể phù hợp với thực tế và khả năng của Quỹ</i>
1.2	Chăm sóc y tế, thực phẩm, nước uống cho người dân nơi sơ tán	đồng/người/ngày	60.000	<i>Thuốc y tế 10.000 đ/người/ngày; nước uống 10.000 đ/người/ngày; thực phẩm 40.000 đ/người/ngày</i>
1.3	Hỗ trợ cho lực lượng được huy động tham gia ứng phó thiên tai đối với người không hưởng lương từ NSNN			
-	Thời gian huy động từ 06 giờ sáng đến 22 giờ đêm	đồng/người/ngày	Hỗ trợ bằng 0,1 lần mức lương cơ sở	
-	Thời gian huy động từ 22 giờ đêm ngày hôm trước đến 6 giờ sáng hôm sau	đồng/người/ngày	Hỗ trợ bằng 0,2 lần mức lương cơ sở	

1.4	Hỗ trợ cho lực lượng được huy động tham gia ứng phó thiên tai đối với người hưởng lương từ NSNN; hỗ trợ cho lực lượng thường trực trực ban, chỉ huy, chỉ đạo ứng phó thiên tai	đồng/người/ngày	80.000	
2	Cứu trợ, hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai			
2.1	Cứu trợ khẩn cấp về lương thực (thời gian cứu trợ không quá 03 tháng)	người/tháng	15kg gạo	
2.2	Cứu trợ khẩn cấp về nước uống, thuốc chữa bệnh, sách vở, phương tiện học tập và các nhu cầu cấp thiết khác cho đối tượng bị thiệt hại do thiên tai	đồng/người/ đợt thiên tai	200.000	<i>Nước uống 50.000 đ/người/đợt; thuốc chữa bệnh 50.000 đ/người/đợt; sách vở, phương tiện học tập và các nhu cầu cấp thiết khác 100.000 đ/người/đợt.</i>
2.3	Hỗ trợ tu sửa nhà ở (chỉ tính nhà ở chính)			
-	Hỗ trợ nhà bị đổ, sập trôi, hư hỏng do thiệt hại hoàn toàn hoặc bị phá hủy, hư hỏng trên 70% không thể khôi phục lại	đồng/nhà/hộ	60.000.000	
-	Hỗ trợ tu sửa nhà bị hư hỏng thiệt hại rất nặng (bị phá hủy, hư hỏng từ 50-70%)	đồng/nhà/hộ	40.000.000	
-	Hỗ trợ tu sửa nhà bị hư hỏng thiệt hại nặng (bị phá hủy, hư hỏng từ 30-50%).	đồng/nhà/hộ	20.000.000	
-	Hỗ trợ tu sửa nhà bị hư hỏng thiệt hại một phần (bị hư hỏng dưới 30%)	đồng/nhà/hộ	hỗ trợ 50% mức thiệt hại nhưng không quá 10.000.000	

2.4	Hỗ trợ tu sửa các công trình bị thiệt hại do thiên tai, bao gồm: Cơ sở y tế, trường học, nhà kết hợp làm địa điểm sơ tán phòng tránh thiên tai; hỗ trợ xử lý đảm bảo giao thông thông suốt cho những đoạn, tuyến giao thông đường bộ, đường sắt quan trọng trên địa bàn bị sụt trượt, sạt lở	đồng/Công trình	Tối đa 1.000.000.000	<i>Căn cứ vào dự toán thiết kế được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định mức hỗ trợ cụ thể phù hợp với thực tế và khả năng cân đối của Quỹ</i>
2.5	Hỗ trợ khẩn cấp xử lý vệ sinh môi trường vùng thiên tai	đồng/xã	12.000.000	
2.6	Hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai			<i>Điều kiện, trình tự thủ tục nhận hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh</i>
*	Hỗ trợ đối với cây trồng			
-	Diện tích lúa thuần bị thiệt hại trên 70%	đồng/ha	2.000.000	
-	Diện tích lúa thuần thiệt hại từ 30% - 70%	đồng/ha	1.000.000	
-	Diện tích mạ lúa thuần bị thiệt hại trên 70%	đồng/ha	20.000.000	
-	Diện tích mạ lúa thuần bị thiệt hại từ 30% - 70%	đồng/ha	10.000.000	
-	Diện tích lúa lai bị thiệt hại trên 70%	đồng/ha	3.000.000	
-	Diện tích lúa lai bị thiệt hại từ 30% - 70%	đồng/ha	1.500.000	
-	Diện tích mạ lúa lai bị thiệt hại trên 70%	đồng/ha	30.000.000	
-	Diện tích mạ lúa lai bị thiệt hại từ 30% - 70%	đồng/ha	15.000.000	
-	Diện tích ngô và rau màu các loại thiệt hại trên 70%	đồng/ha	2.000.000	

-	Diện tích ngô và rau màu các loại thiệt hại từ 30% - 70%	đồng/ha	1.000.000	
-	Diện tích cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm bị thiệt hại trên 70%	đồng/ha	4.000.000	
-	Diện tích cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm bị thiệt hại từ 30% - 70%	đồng/ha	2.000.000	
*	Hỗ trợ đối với sản xuất lâm nghiệp			
-	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp, vườn giống, rừng giống bị thiệt hại trên 70%	đồng/ha	4.000.000	
-	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp, vườn giống, rừng giống bị thiệt hại từ 30% - 70%	đồng/ha	2.000.000	
-	Diện tích cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm bị thiệt hại trên 70%	đồng/ha	40.000.000	
-	Diện tích cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm bị thiệt hại từ 30% - 70%	đồng/ha	20.000.000	
*	Hỗ trợ đối với nuôi trồng thủy sản			
-	Diện tích nuôi cá truyền thống, các loài cá bản địa bị thiệt hại trên 70%	đồng/ha	10.000.000	
-	Diện tích nuôi cá truyền thống, các loài cá bản địa bị thiệt hại từ 30% - 70%	đồng/ha	7.000.000	
-	Nuôi cá lồng, bè bị thiệt hại trên 70%	đồng/100m3 lồng	10.000.000	
-	Nuôi cá lồng, bè bị thiệt hại từ 30% - 70%	đồng/100m3 lồng	7.000.000	
-	Diện tích nuôi cá rô phi đơn tính thâm canh bị thiệt hại trên 70%	đồng/ha	30.000.000	

-	Diện tích nuôi cá rô phi đơn tính thâm canh bị thiệt hại từ 30% - 70%	đồng/ha	20.000.000	
-	Diện tích nuôi cá nước lạnh (tầm, hồi) thâm canh bị thiệt hại trên 70%	đồng/ha	50.000.000	
-	Diện tích nuôi các nước lạnh (tầm, hồi) thâm canh bị thiệt hại từ 30% - 70%	đồng/ha	35.000.000	
-	Diện tích nuôi trồng các loại thủy sản khác bị thiệt hại trên 70%	đồng/ha	6.000.000	
-	Diện tích nuôi trồng các loại thủy sản khác bị thiệt hại từ 30% - 70%	đồng/ha	4.000.000	
*	Hỗ trợ đối với nuôi gia súc, gia cầm			
-	Gia cầm (gà, vịt, ngan, ngỗng) đến 28 ngày tuổi	đồng/con	20.000	
-	Gia cầm (gà, vịt, ngan, ngỗng) trên 28 ngày tuổi	đồng/con	35.000	
-	Lợn đến 28 ngày tuổi	đồng/con	400.000	
-	Lợn trên 28 ngày tuổi	đồng/con	1.000.000	
-	Lợn nái và lợn đực giống đang khai thác	đồng/con	2.000.000	
-	Trâu, bò, ngựa đến 6 tháng tuổi	đồng/con	2.000.000	
-	Trâu, bò, ngựa trên 6 tháng tuổi	đồng/con	6.000.000	
-	Hươu, dê	đồng/con	2.500.000	
2.7	Hỗ trợ kinh phí tu sửa, xử lý và xây dựng khẩn cấp công trình phòng, chống thiên tai	đồng/công trình	Tối đa 3.000.000.000	<i>Căn cứ vào dự toán thiết kế được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định mức hỗ trợ cụ thể phù hợp với thực tế và khả năng cân đối của Quỹ</i>

3	Hỗ trợ các hoạt động phòng ngừa thiên tai			
3.1	Thông tin, truyền thông và giáo dục về phòng, chống thiên tai (Xây dựng bản tin, phóng sự, tờ rơi, pano, áp phích, đĩa...tuyên truyền về phòng, chống thiên tai trên các phương tiện thông tin đại chúng, tại các nơi công cộng).	đồng/năm	50.000.000	
3.2	Lập, rà soát kế hoạch phòng, chống thiên tai và phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai hàng năm			
-	Lập, rà soát kế hoạch phòng, chống thiên tai và phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai hàng năm cấp tỉnh	đồng/kế hoạch, phương án	10.000.000	
-	Lập, rà soát kế hoạch phòng, chống thiên tai và phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai hàng năm cấp huyện	đồng/kế hoạch, phương án	6.000.000	
-	Lập, rà soát kế hoạch phòng, chống thiên tai và phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai hàng năm cấp xã	đồng/kế hoạch, phương án	3.000.000	
3.3	Phổ biến, tuyên truyền, giáo dục, tổ chức tập huấn, nâng cao nhận thức cho các lực lượng tham gia công tác phòng, chống thiên tai các cấp ở địa phương và cộng đồng	đồng/năm	60.000.000	
3.4	Diễn tập phòng, chống thiên tai ở các cấp			
-	Diễn tập phòng, chống thiên tai cấp tỉnh	đồng/cuộc diễn tập	50.000.000	
-	Diễn tập phòng, chống thiên tai cấp huyện	đồng/cuộc diễn tập	20.000.000	

-	Diễn tập phòng, chống thiên tai cấp xã	đồng/cuộc diễn tập	10.000.000	
3.5	Mua bảo hiểm rủi ro thiên tai cho đối tượng tham gia lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã	đồng/người	Theo dự toán được duyệt	<i>Căn cứ phát sinh thực tế, Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã phê duyệt mức hỗ trợ cụ thể phù hợp với thực tế và khả năng của Quỹ.</i>
3.6	Tập huấn cho các đối tượng tham gia hộ đê, lực lượng quản lý đê nhân dân, lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã, tình nguyện viên phòng, chống thiên tai	đồng/năm	60.000.000	
3.7	Hỗ trợ xây dựng công cụ, phần mềm, quan trắc, thông tin dự báo, cảnh báo thiên tai tại cộng đồng	đồng	Theo dự toán được duyệt	<i>Căn cứ phát sinh thực tế, Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã phê duyệt mức hỗ trợ cụ thể phù hợp với thực tế và khả năng của Quỹ.</i>
3.8	Mua sắm, đầu tư phương tiện, trang thiết bị phục vụ công tác phòng, chống thiên tai theo quy định	đồng	Theo dự toán được duyệt	<i>Căn cứ phát sinh thực tế, Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã phê duyệt mức hỗ trợ cụ thể phù hợp với thực tế và khả năng của Quỹ.</i>